

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI
Số: 10/LĐTBXH-TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 1997

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc tổ chức, hoạt động của Hội đồng hoà giải cơ sở, hoà giải viên lao động của cơ quan lao động Quận, Huyện, thành phố, thị xã, thị trấn thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ Chương XIV của Bộ Luật lao động, ngày 23 tháng 6 năm 1994, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về tổ chức, hoạt động và thủ tục giải quyết tranh chấp lao động của Hội đồng hoà giải cơ sở, hoà giải viên lao động quận, huyện, thị xã, thị trấn thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện) như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng áp dụng.

Những doanh nghiệp sử dụng từ 10 lao động trở lên không phân biệt thành phần kinh tế, kể cả những doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập và phụ thuộc của các Liên hiệp xí nghiệp, Tổng công ty Nhà nước phải thành lập Hội đồng hoà giải lao động cơ sở.

2. Những đơn vị sau đây không phải thành lập Hội đồng hoà giải lao động cơ sở:

Doanh nghiệp sử dụng dưới 10 người lao động thuộc các thành phần kinh tế;

Các cơ quan hành chính sự nghiệp Nhà nước, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức chính trị xã hội, các hợp tác xã có sử dụng lao động theo hợp đồng lao động;

Cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế; các văn phòng đại diện của các tổ chức quốc tế, nước ngoài; tổ chức kinh tế quốc tế, nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế, nước ngoài khác có sử dụng lao động là người Việt Nam.

Khi tranh chấp lao động xảy ra ở các đơn vị nói trên thì hoà giải viên của cơ quan lao động cấp huyện là người có thẩm quyền giải quyết.

II. TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG HOÀ GIẢI CƠ SỞ

1. Thành phần của Hội đồng hoà giải gồm số đại diện ngang nhau của bên người sử dụng lao động và người lao động:

Bên người sử dụng lao động là người sử dụng lao động hoặc người giữ chức vụ quản lý khác của doanh nghiệp do người sử dụng lao động cử làm đại diện.

Đại diện của người lao động do Ban chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc Công đoàn lâm thời cử.

Số lượng thành viên của Hội đồng hoà giải cơ sở ít nhất phải có 4 người trong đó có Chủ tịch và Thư ký Hội đồng. Nhiệm kỳ của Hội đồng hoà giải cơ sở là 2 năm, đại diện của mỗi bên luân phiên làm Chủ tịch và Thư ký Hội đồng hoà giải 6 tháng 1 lần kể từ ngày thành lập. Hội đồng hoà giải làm việc theo nguyên tắc thoả thuận và nhất trí.

2. Thủ tục thành lập.

Người sử dụng lao động hoặc Chủ tịch Công đoàn cơ sở, chủ động đề xuất về việc thành lập Hội đồng hoà giải và số lượng thành viên tùy theo số lượng người lao động, tình hình tổ chức và quy mô sản xuất của doanh nghiệp, đề người sử dụng lao động ra quyết định thành lập Hội đồng hoà giải cơ sở. Trong Quyết định ghi rõ họ tên của từng thành viên, Chủ tịch và thư ký của Hội đồng hoà giải.

Quyết định phải được gửi ngay về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban chấp hành công đoàn cơ sở và các thành viên của Hội đồng hoà giải.

Trong nhiệm kỳ của Hội đồng hoà giải các bên có quyền thay đổi hoặc bổ sung thành viên là đại diện của mình. Việc thay đổi hoặc bổ sung thành viên do hai bên thoả thuận và phải có quyết định của người sử dụng lao động, quyết định này cũng phải gửi ngay về những nơi như quyết định thành lập Hội đồng hoà giải nói trên.

III. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG HOÀ GIẢI CƠ SỞ

1. Hội đồng hoà giải có nhiệm vụ: giải quyết tất cả các vụ tranh chấp lao động tập thể và tranh chấp lao động cá nhân (kể cả tranh chấp về sa thải, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, bồi thường thiệt hại khi đương sự yêu cầu) xảy ra tại doanh nghiệp.

2. Hội đồng hoà giải có quyền:

Tìm hiểu vụ việc, gặp gỡ các bên tranh chấp, những người có liên quan, những người làm chứng;

Thu thập tài liệu chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp đầy đủ các tài liệu có liên quan tới vụ việc phải hoà giải;

Yêu cầu đương sự tới phiên họp hoà giải của Hội đồng;

Đưa ra phương án hoà giải để hai bên tranh chấp cùng xem xét, thương lượng.

3. Chủ tịch Hội đồng hoà giải có nhiệm vụ: điều hành mọi hoạt động của Hội đồng hoà giải, chủ toạ các phiên họp hoà giải, báo cáo tình hình hoà giải lao động của Hội đồng về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội vào cuối tháng 6 và cuối tháng 12 hàng năm.

4. Thư ký Hội đồng hoà giải có nhiệm vụ: giúp Chủ tịch Hội đồng trong mọi hoạt động của Hội đồng hoà giải cơ sở theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng, ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng hoà giải.

5. Người sử dụng lao động bảo đảm các điều kiện cần thiết cho Hội đồng hoà giải hoạt động như: bố trí phòng hoà giải khi có vụ việc, cung cấp các phương tiện làm việc.

6. Các thành viên của Hội đồng hoà giải là đại diện của người lao động trong thời gian tiến hành hoà giải các vụ tranh chấp lao động, tham gia các hoạt động liên quan tới nhiệm vụ của mình trong Hội đồng hoà giải, được tính là thời gian làm việc, được hưởng nguyên lương và các chế độ, quyền lợi khác theo quy định của pháp luật lao động.

IV. THỦ TỤC HOÀ GIẢI TRANH CHẤP LAO ĐỘNG

1. Thụ lý vụ việc.

Khi thành viên của Hội đồng hoà giải cơ sở nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp thì phải gửi ngay cho Chủ tịch Hội đồng; Thư ký phải vào sổ, ghi rõ ngày tháng nhận đơn. Chủ tịch Hội đồng hoà giải có trách nhiệm thông báo cho các thành viên, phân công người tìm hiểu vụ việc. Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày thụ lý Hội đồng hoà giải phải tổ chức hoà giải tranh chấp lao động.

Sau khi tìm hiểu vụ việc, Chủ tịch Hội đồng hoà giải tổ chức cuộc họp của Hội đồng để đưa ra phương án hoà giải, định ngày hoà giải và thông báo triệu tập các bên tranh chấp và những